

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hiền và Ông Nguyễn Thái Hòa.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1974 (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Công X, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Đều trú tại: thôn Hậu L, xã Vĩnh N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2020, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Công X năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh N. Trước khi cưới có được tìm hiểu, tổ chức xong chị về làm ăn chung cùng gia đình anh X ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu đầm ấm hạnh phúc. Đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có khi anh X còn đánh đập chị. Chị có khuyên bảo, động viên anh nên vợ chồng vẫn ăn ở với nhau. Đến đầu năm 2014 vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm thăm hỏi gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh X.

Bị đơn anh Nguyễn Công X tại phiên tòa vắng mặt không lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: Chị H trình bày về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Còn nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị H tự ý bỏ đi làm ăn tự do, làm ăn riêng không làm trang trại cùng anh nữa. Không chăm lo gì đến gia đình. Vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau sống lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân, không quan hệ vợ chồng từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị H có đơn ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng bình thường nếu chị H biết nghĩ về các con để vợ chồng về chung sống với nhau để cho các con có chỗ dựa tinh thần thì anh vẫn đón nhận. Anh không đồng ý ly hôn chị H. Về biện pháp khắc phục tình cảm vợ chồng như hiện nay thì anh không có biện pháp gì chỉ nhờ đến Tòa án hòa giải, động viên cho vợ chồng anh về đoàn tụ.

Về con chung: Chị H và anh X xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 14/02/1995, hiện nay cháu đã xây dựng gia đình, cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 02/02/1998, hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Ly hôn do các con đã khôn lớn trưởng thành nên chị H và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh nội dung vụ án tại UBND xã Vĩnh N địa phương cho biết: Anh X và chị H kết hôn với nhau năm 1993, sau khi kết hôn xong anh chị về chung sống và làm ăn hòa thuận nên có 02 con chung. Đến năm 2014 anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng sống lạnh nhạt với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh X quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm: Về thủ tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh X chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì và Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị H. Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công X.

Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Phan Thị H khởi kiện anh Nguyễn Công X tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, Chị H có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh X. Bị đơn anh X có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Hậu L, xã Vĩnh N, huyện V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện V. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Công X là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh N, huyện V. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm, Vợ chồng không quan tâm, động viên chia sẻ với nhau dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Do vậy từ đầu năm 2014 vợ chồng sống ly thân đến nay hai bên không giàn xếp gì. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc chị H xin ly hôn anh X là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Anh X không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì khắc phục tình trạng vợ chồng và Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh X không đến Tòa án làm việc. Điều đó chứng tỏ việc xin đoàn tụ của anh X là không thực tâm. Do vậy việc chị H xin ly hôn anh X là có căn cứ và phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị H và anh X xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Công V, sinh ngày 14/02/1995, hiện nay cháu đã có vợ, cháu Nguyễn Công H, sinh ngày 02/02/1998, hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Ly hôn do các con đã khôn lớn trưởng thành nên chị H và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H và anh X không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét quyết định.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Công X.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004917 ngày 27/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự V.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh N;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiên Thành

